

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/DS-ST  
Ngày 14/12/2017  
Tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thương Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Hiếu và ông Phạm Mã Siêu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa:**

Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án T1 lý số 12/2017/TLST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2017 và Thông báo số 1856 ngày 27/ 11/ 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Tạ Văn L – Sinh năm 1983

*Bị đơn:* Anh Tạ Văn T – Sinh năm 1979

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Trần Thị Ng- Sinh năm 1977

Anh Tạ Hồng S – Sinh năm 1998

Cháu Tạ Quốc V – Sinh năm 2005

Người đại diện hợp pháp của cháu V: Chị Trần Thị Ng (mẹ đẻ cháu V)

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã TG, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Anh L, chị Ng có mặt tại phiên tòa.

Anh T, anh S, cháu V vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Tạ Văn L trình bày với nội dung:

Ông bà nội anh là cụ Tạ Văn Tr và cụ Trần Thị Nh (tên thường gọi là Tạ Thị Tr) sinh được bố anh - ông Tạ ĐìnhTh là con duy nhất. Cụ Tạ Văn Tr chết vào khoảng năm 1951,

khi chết không để lại di chúc. Năm 1973, ông Tạ Đình Th kết hôn với bà Trương Thị T3 và sinh được 4 người con gồm :

1. Tạ Văn T1, sinh năm 1974
2. Tạ Văn T2, sinh năm 1976
3. Tạ Văn T, sinh năm 1979
4. Tạ Văn L, sinh năm 1983

Năm 1987 bà Trương Thị T3 chết . Cụ Nh , ông Th cùng các con ở trong ngôi nhà trên thửa đất tại thôn Đ, xã TG, huyện TH, tỉnh Thái Bình, đất có nguồn gốc từ các đời trước để lại cho cụ Tạ Văn Tr. Năm 1993 cụ Nh đã cho anh Tạ Văn T1 xây một căn nhà mái bằng trên một phần thổ ở của cụ. Năm 1997 anh Tạ Văn T1 kết hôn với chị Trần Thị Ng và sinh được 02 con là Tạ Hồng S và Tạ Quốc V, vợ chồng anh T1 làm thêm lán tôn và công trình phụ kèm theo nhà. Năm 2004 anh Tạ Văn T lấy vợ và ra ở riêng. Cụ Tr, ông Th sống trong ngôi nhà lợp ngói Bờ rô xi măng trên đất đó đến năm 2010 thì cụ Tr chết không để lại di chúc. Năm 2012 anh Tạ Văn T1 chết. Năm 2013 anh Tạ Văn T2 chết. Chị Trần Thị Ng xây nhà cùng các con ở riêng nơi khác nhưng vẫn quản lý căn nhà mái bằng anh T1 đã xây trên thửa đất của cụ Nh. Anh L đã làm công , xây tường bao trên thửa đất. Năm 2015 ông Tạ Đình Th chết không để lại di chúc. Năm 2016 anh L có nhu cầu xây nhà ở, anh đề nghị anh T và chị Ng ký văn bản chia đất cho anh nhưng anh T không nhất trí. Nay anh L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bà nội anh để lại cho bố anh theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu cụ thể của anh L là chia cho mẹ con chị Ng (anh Tạ Hồng S và cháu Tạ Quốc V) phần đất mà anh T1, chị Ng đã xây dựng công trình có diện tích 155,2m<sup>2</sup> . Diện tích 256,8m<sup>2</sup> đất còn lại chia thành 02 phần, phần thứ nhất giáp thửa đất chia cho mẹ con chị Ng có chiều mặt đường thôn 4,5m cắt thẳng về cuối thửa đất, phần còn lại là thửa đất giáp nhà ông Tạ Minh Đức và bà Nguyễn Thị Sinh có chiều mặt đường thôn là 6,2m, cuối 2,5m. Anh L yêu cầu được nhận thừa kế một trong 02 phần trên. Phần di sản trên đất chia cho ai thì người đó sử dụng. Anh không yêu cầu chia ruộng canh tác. Phần công dậu anh đã xây dựng và 05 cây hòe anh trồng trên đất chia thừa kế anh không yêu cầu được thanh toán.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai; bị đơn anh Tạ Văn T thừa nhận lời trình bày của anh Tạ Văn L về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế và tài sản xây dựng trên đất. Anh trình bày: bà nội anh là cụ Trần Thị Nh để lại cho bố anh là ông Tạ Đình Th một thổ ở nguồn gốc của các cụ nhiều đời trước tạo lập; trên đó có 01 ngôi nhà lợp ngói, 01 giếng nước, 01 cây nhãn đó là di sản của bà nội anh để lại, ngoài ra trên đất còn có 01 căn nhà mái bằng kèm theo công trình phụ do anh Tạ Văn T1 xây dựng. Anh Tạ Văn T không đồng ý

chia di sản thừa kế để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tạ Văn L và mẹ con chị Trần Thị Ng. Anh T không yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng không từ chối nhận di sản mà di sản phải để lại làm nơi thờ cúng theo tâm nguyện của bố anh. Anh không yêu cầu chia ruộng canh tác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Ng (là đại diện hợp pháp của cháu Tạ Quốc V) và anh Tạ Hồng S thừa nhận lời trình bày của anh Tạ Văn L. Chị Trần Thị Ng và anh Tạ Hồng S yêu cầu được hưởng phần đất anh Tạ Văn T1 đã xây nhà mái bằng và công trình trên đất. Phần đất còn lại, đề nghị chia cho anh Tạ Văn L và anh Tạ Văn T. Anh Tạ Hồng S có văn bản chuyển nhượng T2 bộ phận di sản anh được chia cho chị Trần Thị Ng được quyền sở hữu và sử dụng. Chị Trần Thị Ng nhận phần quyền lợi mà anh S chuyển nhượng cho chị và chị tự nguyện chịu T2 bộ nghĩa vụ của anh S và của cháu V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa, chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.*

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn L, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Khoản 5 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tất cả các đương sự trong vụ án đều cư trú tại huyện TH, tỉnh Thái Bình; đối tượng yêu cầu chia thừa kế là diện tích đất tại thôn Đ, xã TG, huyện TH, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện TH có thẩm quyền giải quyết vụ án theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Xác định thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:*

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận tài sản thừa kế là đất ở có nguồn gốc từ nhiều đời trước để lại cho con cháu, đất đứng tên chủ sử dụng là cụ Tạ Thị Tr (tức Trần Thị Nh), lời trình bày của các đương sự phù hợp với nội dung xác minh do Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TH cung cấp. Cụ Tạ Thị Tr có 01 con duy nhất là ông Tạ Đình Th. Cụ Trần Thị Nh ( tức Tạ Thị Tr) chết ngày 27/7/2010 nên xác định thời điểm mở thừa kế đối với cụ Nh là ngày cụ Nh chết. Ông Tạ Đình Th chết ngày 27/11/2015 nên xác định thời điểm mở thừa kế đối với ông Th là ngày ông Th chết.

- Thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/7/2017 anh Tạ Văn L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện TH yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản là thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4, đo đạc năm 1996, còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ mở phiên tòa: Sau khi T1 lý vụ án, Tòa án đã giao Thông báo T1 lý cho anh Tạ Văn T, anh Tạ Văn T đã đến Tòa án một lần nộp bản tự khai, sau đó anh không đến Tòa án theo giấy triệu tập và theo thông báo hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã đến nơi làm việc của anh để ghi lời khai và đã tiến hành Thẩm định tại chỗ nơi có di sản, lập Hội đồng định giá di sản có tranh chấp nên đã đủ điều kiện mở phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 17/11/2017 bị hoãn do anh T vắng mặt, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa, sau đó phiên tòa không tiến hành được nên đã thông báo thời gian mở phiên tòa, các văn bản trên đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Hôm nay, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

*[3] Xác định loại thừa kế, người thừa kế:*

Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trình bày thì cụ Trần Thị Nh (Tạ Thị Tr) và ông Tạ Văn Th chết đều không để lại di chúc nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự 2015, di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

- Thời điểm mở thừa kế đối với cụ Trần Thị Nh (Tạ Thị Tr) là ngày 27/7/2010. Cụ Nh có duy nhất một người con là ông Tạ Đình Th nên ông Tạ Đình Th là người duy nhất được hưởng di sản thừa kế của cụ Nh. Theo quy định tại Điều 636 Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành ở thời điểm mở thừa kế của cụ Nh thì vào thời điểm đó ông Tạ Đình Th có các quyền và nghĩa vụ về tài sản của cụ Nh để lại cho ông, trong đó có quyền để lại di sản thừa kế.

- Thời điểm mở thừa kế đối với ông Tạ Đình Th là ngày 27/11/2015. Ông Th có 04 người con là Tạ Văn T1, Tạ Văn T2, Tạ Văn T và Tạ Văn L. Anh T2 chết trước ông Th, anh T2 chưa có vợ con nên không có người hưởng thừa kế thế vị. Anh T1 chết trước ông Th, anh T1 có 02 người con là anh Tạ Hồng S và cháu Tạ Quốc V, nên anh Tạ Hồng S và cháu Tạ Quốc V là thừa kế thế vị của anh T1. Như vậy, xác định hàng thừa kế được hưởng di sản là anh Tạ Văn T, anh Tạ Văn L, thừa kế thế vị của anh Tạ Văn T1 là anh Tạ Hồng S và cháu Tạ Quốc V.

*[4] Về di sản thừa kế:* Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ quản lý đất đai và lời trình bày của các đương sự thì cụ Tạ Văn Tr và cụ Trần Thị Nh có 01 thửa ở tại thôn Đ, xã TG, huyện TH. Cụ Tạ Văn Tr chết không để lại di chúc, cụ Trần Thị Nh tiếp tục quản lý sử dụng thửa

đất trên và đứng tên trong sổ địa chính qua nhiều năm, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 720 ngày 12/01/1996, seri 583720 mang tên Tạ Thị Tr với diện tích 370m<sup>2</sup> đất ở. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện TH, thực tế thửa đất anh L yêu cầu chia thừa kế có diện tích 412m<sup>2</sup>, biên bản này có xác nhận của các hộ liền kề. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TH tỉnh Thái Bình xác định có sự chênh lệch giữa thực tế và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do quá trình đo đạc trước đây có hạn chế và đề nghị công nhận diện tích 42m<sup>2</sup> đất chênh lệch so với giấy chứng nhận là loại đất vườn nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định di sản thừa kế là diện tích đất 412m<sup>2</sup> ( trong đó có 370m<sup>2</sup> đất ở và 42m<sup>2</sup> đất vườn), phần di sản khác gồm có: 01 nhà xây lợp ngói broximang diện tích 18,53m<sup>2</sup>, sân láng vữa xi măng, 01 cây nhãn, 01 giếng khơi.

Ngoài ra tài sản trên đất còn có: Tài sản do Tạ Văn T1 và chị Trần Thị Ng tạo lập gồm: 01 nhà mái bằng, 01 bếp, 01 nhà vệ sinh, lán tôn (được ngăn cách thành một khuôn viên riêng). Tài sản do anh Tạ Văn L tạo lập gồm: Cổng đậu, bờ bao xi măng quanh góc nhãn và 05 cây hòe đường kính gốc 05 cm, những tài sản trên không phải là di sản thừa kế. Anh L, chị Ng , anh S không yêu cầu đưa những tài sản trên vào phần tài sản phải thanh toán khi chia thừa kế nên không phải giải quyết.

Khi chết, cụ Trần Thị Nh (Tạ Thị Tr) và ông Tạ Đình Th không để lại nghĩa vụ tài sản và các loại chi phí liên quan đến thừa kế phải thanh toán.

Di sản chia thừa kế có trị giá như sau:

-Thửa đất số 200 tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 1996 tại thôn Đ, xã TG, huyện TH diện tích 412m<sup>2</sup> (trong đó gồm đất thổ ở 370m<sup>2</sup> x 200.000đ/1m<sup>2</sup>= 74.000.000đồng, đất vườn 42m<sup>2</sup> x 45.000đ/1m<sup>2</sup> = 1.890.000đồng);

-Tài sản trên đất gồm một nhà thờ lợp ngói broximang diện tích 18,53m<sup>2</sup> , sân láng vữa diện tích 51m<sup>2</sup> , 01 giếng khơi ( đều không còn giá trị). 01cây nhãn đường kính tán 6m trị giá 1.200.000đồng.

Tổng trị giá: 77.090.000 đồng (bảy mươi bảy triệu không trăm chín mươi ngàn đồng).

*[5] Về phân chia di sản thừa kế.*

Những người được hưởng di sản thừa kế bao gồm: Anh Tạ Văn L, anh Tạ Văn T, anh Tạ Văn T1 (với người thừa kế thế vị là anh Tạ Hồng S, cháu Tạ Quốc V) được hưởng phần di sản bằng nhau. Anh L, anh T mỗi người hưởng một phần thừa kế. Anh S, cháu V hưởng một phần thừa kế thế vị của anh Tạ Văn T1. Anh S chuyển quyền hưởng di sản cho chị Ng nên chị Ng được nhận quyền hưởng di sản từ anh S. Di sản được chia bằng hiện vật.

Do anh Tạ Văn T1 và chị Trần Thị Ng đã xây dựng công trình kiên cố trên phần đất phía Nam của thửa đất nên chia cho chị Ng và cháu V T2 bộ phận đất có công trình anh T1 chị Ng đã xây dựng để đảm bảo giá trị sử dụng. Phần còn lại, hội đồng xét xử chia cho anh L và anh T.

- Thanh toán tiền chênh lệch chia di sản thừa kế:

Anh Tạ Văn L không yêu cầu chị Ng và cháu V thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh nên không phải giải quyết. Chị Trần Thị Ng phải thanh toán chênh lệch di sản chia thừa kế cho anh Tạ Văn T.

Chị Trần Thị Ng tự nguyện chịu mọi nghĩa vụ của cháu Tạ Quốc V và anh Tạ Hồng S về việc chia di sản.

*[6] Về án phí, chi phí:*

Anh Tạ Văn L, anh Tạ Văn T; Trần Thị Ng phải chịu án phí là 5% giá trị di sản được chia.

Anh Tạ Văn L tự nguyện chịu cả số tiền chi phí định giá và thẩm định là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh L đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 636 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 613, 623 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Tạ Văn L về chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Tạ Đình Th là: thửa đất số 200 tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 1996 tại xã TG, huyện TH, tỉnh Thái Bình diện tích 412m<sup>2</sup> (trong đó bao gồm 370m<sup>2</sup> đất thổ ở và 42m<sup>2</sup> đất vườn) cùng tài sản gắn liền trên đất gồm: một nhà lợp ngói broximang diện tích 18,53m<sup>2</sup>; sân lát vỉa diện tích 51,71m<sup>2</sup>; giếng khơi và 01 cây nhãn đường kính tán 6m.

3. Chia cho chị Trần Thị Ng và cháu Tạ Quốc V được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 155,2m<sup>2</sup> đất (trong đó 141,2m<sup>2</sup> đất ở và 14m<sup>2</sup> đất vườn) với giá trị di sản là 28.870.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

Đất có các chiều như sau:

- Phía Đông giáp đường thôn có độ dài 5,8m
- Phía Tây giáp thửa đất bà Tạ Thị Lụa có độ dài 5,8m
- Phía Nam giáp thửa đất ông Tạ Văn Hảo có độ dài 26,9m

-Bắc giáp với phần còn lại của thửa đất chia di sản có độ dài 26,8m  
(trên đất có công trình anh T1, chị Ng đã xây dựng – ranh giới với các hộ liền kề là tường dậu anh T1, chị Ng đã xây dựng).

4. Chia cho anh Tạ Văn L được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 120,1 m<sup>2</sup> (trong đó 106,1 m<sup>2</sup> đất ở và 14m<sup>2</sup> đất vườn); 01 cây nhãn đường kính tán 6m; 01 giếng khơi; một phần sân xi măng . Giá trị di sản được chia là 23.050.000đồng (hai mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Đất có các chiều như sau:

- Phía Đông giáp đường thôn có độ dài 4,5m
- Phía Tây giáp thửa đất nhà bà Tạ Thị Lụa có độ dài 4,5m
- Phía Nam giáp thửa đất chị Ng, cháu V được chia có độ dài 26,8m
- Phía Bắc giáp với phần còn lại của thửa đất chia di sản có độ dài 26,7m.  
(trên đất có 1 phần cổng dậu và bờ bao quanh góc nhãn anh L đã xây dựng).

5. Chia cho anh Tạ Văn T được quyền sở hữu, sử dụng :136,7m<sup>2</sup> đất (trong đó 122,7 m<sup>2</sup> đất ở và 14m<sup>2</sup> đất vườn) và tài sản trên đất gồm: một nhà lợp broximang diện tích 18,53m<sup>2</sup>; một phần sân vữa . Giá trị di sản được chia là 25.170.000đồng (hai mươi lăm triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Đất có các chiều như sau:

- Phía Đông giáp đường thôn có độ dài 6,2m
- Phía Tây giáp thửa đất bà Tạ Thị Lụa có độ dài 2,58m
- Phía Nam giáp thửa đất anh Tạ Văn L được chia có độ dài 26,7m
- Phía Bắc giáp thửa đất ông Tạ Minh Đức, bà Nguyễn Thị Sinh có độ dài 26,66m.  
(trên đất có một phần dậu anh L xây)

Có sơ đồ kèm theo bản án.

6. Buộc chị Trần Thị Ng thanh toán cho anh Tạ Văn T số tiền chênh lệch tài sản là 526.000 đồng (năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

7. Nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng chị Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí: Anh Tạ Văn L phải chịu 1.152.000 đồng ( một triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng), anh Tạ Văn T phải chịu 1.284.000 đồng (một triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng) , chị Trần Thị Ng phải chịu 1.417.000 đồng (một triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

Anh Tạ Văn L được khấu trừ số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đã nộp theo biên lai số 0008352 ngày 10/7/2017 thành tiền án phí. Trả lại cho anh Tạ Văn L 2.148.000 đồng (hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

9. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi gửi:**

- VKSND huyện TH;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TH;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
**(ĐÃ KÝ)**

**Lê Thị Thương Huyền**